

UBND TỈNH BÌNH THUẬN  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 335 /SCT-QLCN

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017

V/v đề nghị đăng tải và góp ý dự thảo Chính sách hỗ trợ di dời

Kính gửi:

- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên & Môi trường, Nông nghiệp & PTNT, Lao động – TB&XH, Khoa học & Công nghệ, Xây dựng;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ban quản lý các khu công nghiệp;
- Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh;
- Hiệp hội chế biến thủy sản Tỉnh;
- Hiệp hội chế biến nước mắm Tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4445/UBND-KT ngày 24/11/2016 về việc di dời các cơ sở sản xuất vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu sản xuất tập trung; trong đó, giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất UBND tỉnh xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ gây ô nhiễm môi trường đang hoạt động trong khu dân cư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung giai đoạn 2016 – 2020.

Trên cơ sở Chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 42/2010/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 (gọi tắt là Chính sách hỗ trợ di dời cũ); Sở Công thương dự thảo Chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ gây ô nhiễm môi trường đang hoạt động trong khu dân cư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung đến năm 2020 (gọi tắt là Chính sách hỗ trợ di dời), trong đó, có điều chỉnh và bổ sung mới một số chính sách so với Chính sách di dời cũ trước đây của tỉnh, cụ thể:



1. Về điều chỉnh:

- Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng;  
+ Nhóm ngành chế biến hải sản, sản xuất nước đá, xay xát lương thực, chế biến sa khoáng: Nâng mức hỗ trợ từ 70 triệu đồng/DN lên 100 triệu đồng/DN và 30 triệu đồng/cơ sở lên 60 triệu đồng/cơ sở.

+ Nhóm ngành còn lại: Nâng mức hỗ trợ từ 30 triệu đồng/DN lên 60 triệu đồng/DN và 10 triệu đồng/cơ sở lên 30 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ di dời sớm:

Nâng mức hỗ trợ từ 10 triệu đồng/DN lên 20 triệu đồng/DN và từ 05 triệu đồng/cơ sở lên 10 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư sản xuất:

Nâng mức vay hỗ trợ cho cơ sở từ 05 tỷ đồng/cơ sở lên 08 tỷ đồng/cơ sở.

2. Bổ sung chính sách:

- Hỗ trợ tiền thuê đất (thuê đất từ đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng) tại địa điểm mới với mức hỗ trợ là 50% tiền thuê đất phải nộp tính cho từng năm trong 05 năm đầu.

- Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung phục vụ di dời sẽ được ưu tiên xem xét hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành.

*(Có đính kèm dự thảo lần 2 Chính sách hỗ trợ di dời)*

Thực hiện nội dung về lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Sở Công thương đề nghị:

- Trung tâm Thông tin tỉnh thực hiện việc đăng tải toàn văn Dự thảo lần 2 Chính sách hỗ trợ di dời trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày đăng Dự thảo) để các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, gửi về Sở Công thương **chậm nhất đến hết ngày 15/3/2017**.

Đề nghị các sở, ngành, địa phương và các đơn vị quan tâm phối hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (đ/c. Hiệp);
- VP Sở (đăng website)
- Lưu: VT, QLCN-Thái





Số: /2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày tháng năm 2017

Dự thảo lần 2

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành quy định hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số ...../TTr-SCT ngày ..... tháng ..... năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai



Số: /2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày tháng năm 2017

**QUY ĐỊNH**

**Hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2017/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty hợp doanh, công ty liên doanh, hợp tác xã và các chi nhánh của loại hình này (gọi chung là doanh nghiệp); hộ sản xuất cá thể (gọi chung là cơ sở) thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh phải di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung; nhằm sắp xếp lại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tránh gây ô nhiễm môi trường.

Các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung phụ vụ di dời.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về hỗ trợ di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020.

2. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, ngoài việc được hưởng các ưu đãi chung theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp thành lập mới, còn được hưởng những ưu đãi tại Quy định này.

**Điều 3. Điều kiện hỗ trợ**



1. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đáp ứng một trong những điều kiện sau đây sẽ được xem xét hỗ trợ:

a) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nằm ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung phải ngưng hoạt động sản xuất tại vị trí cũ, thực hiện di dời, đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất mới tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh;

b) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nằm ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung sau khi đã di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung và đi vào hoạt động chính thức, nếu được một ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp chấp nhận cho vay thì sẽ được xem xét hỗ trợ lãi suất vay.

2. Những trường hợp sau đây không được xét hỗ trợ theo quy định này:

a) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp được thành lập, xây dựng, đăng ký kinh doanh từ năm 2010 trở về sau;

b) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp khi đầu tư, xây dựng đã có cam kết tự tháo dỡ, di dời theo chủ trương của Nhà nước;

c) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp di dời chậm hơn 01 năm so với thời gian di dời do cấp thẩm quyền quyết định di dời.

## Chương II NỘI DUNG HỖ TRỢ

**Điều 4. Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng**

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đã được cấp thẩm quyền cho phép thành lập, xây dựng, đăng ký kinh doanh thuộc đối tượng phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nay buộc phải tháo dỡ để di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt theo thực tế, nhưng không vượt quá mức quy định như sau:

1. Đối với nhóm ngành chế biến hải sản, sản xuất nước đá, xay xát lương thực, chế biến sa khoáng được hỗ trợ cụ thể như sau:



a) Doanh nghiệp : 100 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Cơ sở hộ cá thể : 60 triệu đồng/cơ sở.

2. Đối với nhóm ngành còn lại được hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp : 60 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Cơ sở hộ cá thể : 30 triệu đồng/cơ sở.

### **Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian tạm ngưng hoạt động sản xuất**

Các doanh nghiệp, cơ sở di dời được ngân sách hỗ trợ một phần thu nhập trong thời gian ngừng sản xuất do phải di dời, mức hỗ trợ là 02 tháng thu nhập bình quân sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính liền kề trước đó, được cơ quan thuế xác nhận.

### **Điều 6. Hỗ trợ di dời sớm**

Để khuyến khích, động viên kịp thời đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thực hiện tốt chính sách di dời, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tích cực thực hiện sớm việc di dời trong 06 tháng kể từ khi có quyết định di dời theo mức 20 triệu đồng/doanh nghiệp và 10 triệu đồng/cơ sở.

### **Điều 7. Hỗ trợ tiền thuê đất tại địa điểm mới**

Các cơ sở khi di dời đến địa điểm mới trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung sẽ được hỗ trợ 50% tiền thuê đất phải nộp tính cho từng năm trong 05 năm đầu. Diện tích đất hỗ trợ bằng diện tích đất sử dụng tại cơ sở cũ. Trường hợp cơ sở di dời thuê lại diện tích đất nhỏ hơn so với diện tích đất sử dụng tại cơ sở cũ thì diện tích đất được hỗ trợ bằng diện tích thuê tại địa điểm mới.

### **Điều 8. Hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư sản xuất**

1. Tính theo thời gian do cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền quyết định cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất di dời các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung đảm bảo điều kiện để di dời:

a) Trong năm đầu tiên, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp di dời vào được hỗ trợ 50% mức lãi suất đơn vị thực trả khi vay đầu tư;

b) Trong năm thứ 2, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp di dời vào được hỗ trợ 30% mức lãi suất đơn vị thực trả khi vay đầu tư;



c) Không hỗ trợ lãi vay cho các trường hợp di dời vào từ năm thứ 3 trở đi.

2. Thời gian hỗ trợ lãi vay:

Bắt đầu từ khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tiến hành đầu tư cho đến khi xây dựng xong nhà máy sản xuất và đưa vào hoạt động chính thức nhưng tối đa không quá 02 năm;

3. Mức vay được hỗ trợ lãi suất để đầu tư sản xuất tối đa không quá 20 tỷ đồng đối với một doanh nghiệp và không quá 08 tỷ đồng đối với một hộ kinh doanh cá thể. Mức lãi suất hỗ trợ được tính theo lãi suất của các tổ chức tín dụng cho vay.

**Điều 9.** Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung phục vụ di dời được ưu tiên xem xét hỗ trợ đầu tư hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung theo các chính sách quy định hiện hành.

**Điều 10. Thời gian thực hiện**

Thời gian thực hiện: các chính sách nêu tại Quy định này thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Chương III

## THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

**Điều 11. Hồ sơ xem xét hỗ trợ**

Để được xét hưởng chính sách này, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất lập hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cụ thể:

1. Yêu cầu hồ sơ chung:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất (*theo mẫu đơn đính kèm*);

- Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất trước thời điểm có quyết định di dời (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

- Giấy phép đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư tại địa điểm doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất di dời đến (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

- Giấy xác nhận của cấp xã về thời gian doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất đã ngừng hoạt động tại vị trí cũ và tổ chức di dời (*bản chính*);



2. Chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ, doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất bổ sung thêm các hồ sơ sau:

a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng, hồ sơ gồm:

- Bảng kê chi tiết chi phí tháo dỡ cơ sở cũ, di dời và lắp đặt thiết bị máy móc tại cơ sở mới, kèm theo chứng từ thanh toán (*bản chính do doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kê khai*);

- Giấy phép xây dựng của dự án đầu tư tại vị trí mới do cơ quan có thẩm quyền cấp (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

b) Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian tạm ngưng hoạt động sản xuất, hồ sơ gồm:

Giấy xác nhận của cơ quan thuế về mức thu nhập bình quân sau thuế của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất trong năm tài chính trước liền kề (*bản chính*).

c) Hỗ trợ di dời sớm, nội dung này sẽ xem xét trên cơ sở hồ sơ chung cụ thể là Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời gian doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất đã ngừng hoạt động tại vị trí cũ và tổ chức di dời.

d) Hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư sản xuất, hồ sơ gồm:

- Hợp đồng vay của tổ chức tín dụng (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

- Chứng từ nhận vốn vay của tổ chức tín dụng (nợ gốc) và chứng từ trả lãi vay (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

- Bảng hợp đồng mua bán thiết bị, thi công chi tiết các hạng mục, công trình, máy móc, thiết bị đầu tư mới của dự án tại địa điểm di dời đến (*bản photo và mang theo bản chính để đối chiếu*);

- Báo cáo thẩm định giá các hạng mục, công trình, máy móc, thiết bị đầu tư mới của dự án tại địa điểm di dời đến (*bản chính và báo cáo phải do các đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện thẩm định*).

Lưu ý: Chỉ xem xét hỗ trợ lãi suất vay đối với tiền vay dùng vào mục đích là đầu tư sản xuất cho dự án di dời đầu tư tại vị trí mới theo quy định. Chỉ xem xét hỗ trợ khi đã có phát sinh lãi vay, mỗi năm thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư một lần và được xem xét hỗ trợ trong kỳ kế hoạch ghi ngân sách của năm sau liền kề.

## **Điều 12. Nộp và tiếp nhận hồ sơ**



1. Các doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ di dời lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này và nộp tại Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố.

2. Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ;

Các cơ quan xem xét, thẩm định có trách nhiệm sao chụp hồ sơ để trình cơ quan cấp trên.

### **Điều 13. Trình tự thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân các cấp quyết định hỗ trợ**

1. Đối với hồ sơ của cơ sở sản xuất: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của cơ sở sản xuất, phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm tra hồ sơ và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ hoặc có trả lời bằng văn bản (trường hợp không hỗ trợ);

2. Đối với hồ sơ của doanh nghiệp sản xuất: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp sản xuất; phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm tra hồ sơ và có văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công thương) hoặc có văn bản trả lời doanh nghiệp (trường hợp không đề nghị hỗ trợ).

Sở Công thương tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc có ý kiến, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và kèm theo văn bản đề nghị của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định hỗ trợ hoặc có trả lời bằng văn bản (trường hợp không hỗ trợ).

### **Điều 14. Thanh toán kinh phí hỗ trợ**

1. Đối với doanh nghiệp sản xuất:

a) Trường hợp khoản kinh phí hỗ trợ đã có trong dự toán ngân sách năm, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý và lập thủ tục cấp hỗ trợ các doanh nghiệp.

b) Trường hợp khoản kinh phí hỗ trợ chưa được ghi dự toán ngân sách năm, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho doanh nghiệp sản xuất; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong dự toán ngân sách trong thời gian sớm nhất để hỗ trợ.



2. Đối với cơ sở sản xuất:

a) Trường hợp khoản kinh phí hỗ trợ đã có trong dự toán ngân sách năm, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ cơ sở sản xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt, Phòng Kế hoạch – Tài chính cấp huyện có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý và lập thủ tục cấp hỗ trợ các cơ sở sản xuất.

b) Trường hợp khoản kinh phí hỗ trợ chưa được ghi dự toán ngân sách năm, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ sở sản xuất; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong dự toán ngân sách trong thời gian sớm nhất để hỗ trợ”.

#### **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Công thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và thực hiện tốt Quy định này; theo dõi, tổng hợp và định kỳ 6 tháng, 01 năm báo cáo kết quả thực hiện, các vướng mắc phát sinh cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn việc thực hiện chính sách theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách này đến từng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thuộc diện di dời tại địa phương. Yêu cầu doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thuộc diện di dời phải đăng ký và cam kết thực hiện việc di dời.

b) Hàng năm, căn cứ theo tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trên địa bàn để lập danh sách các doanh nghiệp, cơ sở có ô nhiễm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Công thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định di dời;

c) Căn cứ theo danh sách di dời được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ cho từng doanh nghiệp tại địa phương;



d) Căn cứ theo kế hoạch di dời được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định hỗ trợ cho từng cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại địa phương.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan xác định cụ thể mức ô nhiễm để lập danh sách các doanh nghiệp, cơ sở buộc phải di dời, thời gian di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung. Phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành kế hoạch di dời.

### 4. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương căn cứ quyết định di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung trong dự toán chi ngân sách hàng năm. Cấp phát kịp thời kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dịch vụ tập trung theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Bình Thuận triển khai chính sách này đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn, định kỳ 6 tháng, 01 năm tổng hợp tình hình cho vay, kết quả hỗ trợ lãi suất theo chính sách, các vướng mắc phát sinh, đề xuất nếu có, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Công thương để giải quyết.

6. Cục Thuế tỉnh hướng dẫn chỉ đạo các cơ quan thuế xem xét, xác nhận thu nhập bình quân sau thuế đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp được xem xét hỗ trợ.

7. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thuộc diện di dời có trách nhiệm:

a) Đăng ký, ký cam kết về kế hoạch di dời và triển khai thực hiện hoàn tất việc di dời trong thời hạn theo kế hoạch di dời được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Lập hồ sơ để được hưởng các khoản hỗ trợ di dời theo quy định.

## **Điều 16. Điều khoản thi hành**



1. Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn và thực hiện tốt những quy định tại Quyết định này.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với cơ sở di dời để giải quyết. Nếu vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công thương) xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**



.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**XÉT HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DI DỜI**

Kính gửi: .....(2).....

.....(1)..... có nhà máy sản xuất .....(3)..... tại .....(4)

Thực hiện theo chủ trương di dời của UBND tỉnh tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm ..... Nay .....(1)..... đã ngừng hoạt động và thực hiện việc di dời theo quy định.

Căn cứ Quyết định số ...../2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận; .....(1)..... đề nghị quý cấp xem xét, hỗ trợ những nội dung sau:

.....(5).....;

**Hồ sơ kèm theo:**

.....(6).....

.....

.....

.....

Đề nghị quý cấp xem xét, theo quy định./.

.....(7).....

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

- (1): Tên doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất;
- (2): Tên UBND cấp huyện;
- (3): Ghi rõ ngành nghề sản xuất;
- (4): Ghi rõ địa chỉ của nhà máy;
- (5): Ghi rõ các nội dung đề nghị hỗ trợ theo chính sách;
- (6): Liệt kê tất cả các thành phần hồ sơ, chứng từ kèm theo;
- (7): Chức danh người làm đơn đề nghị (phải là chủ doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất)